


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
SƠN SEACRYL 1K	
Số CAS: Không áp dụng Số UN: UN1263 Số đăng ký EC: Hỗn hợp Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Sơn ACS	Mã sản phẩm (nếu có): P306-XXX
- Tên thương mại: SEACryl 1K	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Công ty TNHH TM & SX Sơn ĐNA. 34 Nguyễn Gia Thiều. P.12. Tp. Vũng Tàu. ĐT: 0643.854.466 Số fax: 0643.858.885	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Như trên	
- Mục đích sử dụng: Sơn dân dụng	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Solvent naphtha	64742-95-6	C ₉ H ₁₂	10 – 20
Xylene	1330-20-7	C ₈ H ₁₀	15 - 25
Ethylbenzene	100-41-4	C ₈ H ₁₀	≤ 5

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm :

Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS:

- Chất lỏng dễ cháy – Loại 3
- Độc tính cấp (đường miệng) – Loại 4
- Độc tính cấp (hít phải) – Loại 4
- Ăn mòn/ kích ứng da – Loại 2
- Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt – Loại 2A
- Độc tính hệ thống/cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc lặp lại – Loại 2

- Độc tính với môi trường nước (lâu dài) – Loại 2

2. Cảnh báo nguy hiểm

Hình đồ cảnh báo:



- Từ ngữ cảnh báo: Cảnh báo

- Cảnh báo nguy hiểm:

H227 - Chất lỏng dễ cháy.

H302 - Có hại nếu nuốt phải.

H332 - Có hại nếu hít phải.

H319 + H318 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H315 - Gây kích ứng da.

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H410: Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

- Báo cáo phòng ngừa:

P280 - Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt.

P210 - Giữ tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.

P242 - Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa.

P243 – Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tránh phát tĩnh điện.

P233 - Giữ cho thùng chứa luôn đóng kín.

P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông thoáng tốt.

P273 - Tránh thải ra môi trường.

P261 - Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun.

P264 - Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.

P391 - Thu gom chất tràn đổ.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

3.1. Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe: Mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Đau nhức mắt, kích ứng gây khó chịu, gây chảy nước và đỏ mắt.

3.2. Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe: Da

Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da, kích ứng gây khó chịu, đỏ tấy da.

3.3. Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe: Nuốt

Có hại nếu nuốt phải.

3.4. Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe: Hít

Có hại nếu hít phải.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa mắt bằng nước trong vòng vài phút, tháo kính áp tròng (nếu có). Tiếp tục rửa bao gồm rửa cả mí mắt. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Liên lạc ngay lập tức với bộ phận y tế trong công ty/nhà máy hoặc bệnh viện.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Ngay lập tức cởi bỏ quần áo dính hoá chất, rửa liên tục bằng nhiều nước và xà phòng. Dùng nước rửa thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Nếu xảy ra kích ứng da, liên lạc với bộ phận y tế trong công ty/nhà máy hoặc bệnh viện.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Di chuyển nạn nhân ra khỏi nơi nguy hiểm tới khu vực thoáng khí, để nạn nhân nghỉ ngơi và thở ở tư thế thoải mái. Áp dụng phương pháp hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không thở. Không được dùng phương pháp miệng nếu nạn nhân nuốt hoặc hít chất này, gây hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của một mặt nạ túi được trang bị với một van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp thích hợp khác. Dùng oxy nếu khó thở. Liên lạc ngay lập tức với bộ phận y tế trong công ty/nhà máy hoặc bệnh viện.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn uống nuốt nhầm hóa chất)

Liên lạc với bộ phận y tế trong công ty hoặc bệnh viện. Nếu nạn nhân tỉnh táo và không co giật ngay lập tức cho nạn nhân uống một đến hai cốc nước. Không cố gắng gây nôn cho nạn, vì có thể gây nguy hiểm. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Trường hợp nạn nhân co giật bất tỉnh, không gây nôn, không đưa thứ gì vào miệng nạn nhân, gọi sự trợ giúp y tế. Duy trì luồng không khí thông thoáng, nới lỏng cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

Hơi và chất lỏng dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Vật liệu này rất độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: Carbon dioxit, carbon monoxit, oxit

kim loại.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bọt (không dùng tia nước).

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Nhân viên cứu hỏa nên mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và máy thở độc lập (SCBA), với đồ bảo hộ che kín mặt, và hoạt động ở áp suất thích hợp.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Khi lưu kho, không để gần với các hoá chất dễ cháy, nếu không nguy hiểm cố gắng di chuyển các thùng hoá chất ra khỏi vùng cháy, tránh tình trạng khi đám cháy lớn nhiệt độ cao khiến các thùng chứa hoá chất giải phóng khí độc. Có thể làm mát bằng cách phun nước vào vỏ thùng chứa.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA. ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Xử lý chất đổ vào nhà máy tiến hành như sau: Hót và dọn chất chảy đổ bằng chất không gây cháy, chất hấp thụ, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào thùng chứa để xử lý theo đúng quy định của địa phương (xem phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

Thủ tục sơ tán

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho những người không cần thiết vào mà không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Thủ tục đặc biệt

Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến thông tin trong mục 8 về vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...).

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Tránh phơi nhiễm – đọc hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh phơi nhiễm khi có thai. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cát giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

2. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh để bảo quản chung...)

Cát giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cát giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các thùng sơn đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

- Sử dụng máy thông khí, hoặc kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí dưới đây đề nghị mức nguy hại.
- Nếu hoạt động tạo ra bụi, khói hoặc sương mù, sử dụng thông gió để giữ tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới mức giới hạn tiếp xúc.
- Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió

tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ theo tiêu chuẩn NIOSH (US) hoặc EN 166 (EU)
- Bảo vệ mắt: Mặt nạ theo tiêu chuẩn NIOSH (US) hoặc CEN (EU)
- Bảo vệ thân thể: Quần áo dài tay chống hóa chất
- Bảo vệ tay: Găng tay an toàn hóa chất theo tiêu chuẩn EN 374 (EU), vật liệu: Cao su nitrile, độ dày 0.11mm, thời gian tiếp xúc 480 phút.
- Bảo vệ chân: Giày bảo hộ, ủng cao su.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ theo tiêu chuẩn NIOSH (US) hoặc EN 166 (EU)
- Bảo vệ mắt: Mặt nạ theo tiêu chuẩn NIOSH (US) hoặc CEN (EU)
- Bảo vệ thân thể: Quần áo dài tay chống hóa chất
- Bảo vệ tay: Găng tay an toàn hóa chất theo tiêu chuẩn EN 374 (EU), vật liệu: Cao su nitrile, độ dày 0.11mm, thời gian tiếp xúc 480 phút.
- Bảo vệ chân: Giày bảo hộ, ủng cao su.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

- Biện pháp vệ sinh:

Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bản không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

- Bảo vệ mặt:

Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: Kính chống văng hóa chất.

- Bảo vệ tay:

Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ

được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được. Không một vật liệu hay tổ hợp vật liệu găng tay nào cho phép chống vô hạn đối với bất kỳ một hóa chất riêng lẻ hay một tổ hợp hóa chất nào. Thời gian thấm qua phải lớn hơn thời gian kết thúc sử dụng sản phẩm. Phải tuân thủ các hướng dẫn và thông tin do nhà sản xuất găng tay cung cấp về việc sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, và thay thế. Phải thay găng tay thường xuyên, và khi có bất cứ dấu hiệu hư hỏng nào của vật liệu găng tay. Luôn bảo đảm găng tay không có các khiếm khuyết và chúng phải được cất giữ và sử dụng đúng cách. Khả năng làm việc hoặc hiệu quả của găng tay có thể bị giảm do các hư hỏng về vật lý/hóa học và bảo dưỡng kém. Kem bảo vệ có thể giúp bảo vệ vùng da sẽ tiếp xúc với sơn nhưng không nên bôi kem lên da đã tiếp xúc. Không đề nghị, tay (thời điểm đột phá) < 1 tiếng: Cao su tổng hợp, Cao su butyl, PVC khuyến cáo, tay (thời điểm đột phá) > 8 tiếng: Cao su chống hóa chất, cao su nitril, 4H, Teflon, polyvinyl alcohol (PVA).

- Bảo vệ thân thể:

Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

- Biện pháp bảo vệ khác:

Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

- Bảo vệ hô hấp:

Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận. Trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu người lao động tiếp xúc với nồng độ cao hơn Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp, họ phải mang dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Sử dụng mặt nạ có bộ lọc dung môi và lọc bụi khi thi công bằng súng phun, (như loại bộ lọc kết hợp A2-P3). Tại nơi kín, dùng không khí nén hay thiết bị thở không khí trong lành. Khi thi công bằng cọ lăn hay bằng chổi, nên dùng mặt nạ có bộ lọc dung môi.

- Dán ký hiệu cảnh báo nguy hiểm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng

Điểm sôi (°C): Giá trị thấp nhất được biết: 136.1°C (277°F)

	(ethylbenzene). Bình quân gia trọng: 161.09 ⁰ C (322 ⁰ F).
Màu sắc: Đa dạng	Điểm nóng chảy (⁰ C): Không áp dụng
Mùi đặc trưng: Đặc tính	Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Cốc đáy kín: 27 ⁰ C (80.6 ⁰ F).
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: Trị số cao nhất được biết: 1.2 kPa (9.3 mm Hg) tại 20 ⁰ C (ethylbenzene). Bình quân gia trọng 0.97 kPa (7.28 mm Hg) tại 20 ⁰ C.	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): Giá trị thấp nhất được biết: 280 - 470 ⁰ C (536 - 878 ⁰ F) (Solvent naphtha).
Tỷ trọng hơi (không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: 3.7 (xylene) Bình quân gia trọng: 3.7 (không khí = 1).	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): > 0.8%
Độ hòa tan: Không tan trong nước.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): < 7.6%
Độ pH: Không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: Trị số cao nhất được biết: 0.84 (ethylbenzene) Bình quân gia trọng: 0.79 so sánh với acetat butyl.
Khối lượng riêng (g/cm ³): 1.4 – 1.6	Trọng lượng phân tử:

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Sản phẩm ổn định.

Sự bất ổn định nhiệt độ: Không có thông tin.

Điều kiện không ổn định: Không có thông tin.

Không tương thích với các chất khác nhau: Không có thông tin.

Ăn mòn: Không có thông tin.

2. Khả năng phản ứng: Không có thông tin.

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không có thông tin.

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Không có thông tin.

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, (các chất không bảo quản chung...): Không có thông tin.

- Trùng hợp: Không

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Xylen	LC ₅₀	20 mg/l	Hô Hấp	Chuột
	LD ₅₀	4300 mg/kg	Miệng	Chuột

	TDL ₀	4300 mg/kg	Da	Thở
Ethybenzene	LC ₅₀	17.8 mg/l	Hô hấp	Chuột
	LD ₅₀	> 5000 mg/kg	Da	Thở
	LD ₅₀	3500 mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người: Các chất gây độc cho thận, phổi, gan.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc da, ăn, đường hô hấp.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc với sinh vật

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Loài sinh vật	Kết quả	Chu kỳ ảnh hưởng
Solvent naphtha	EC50	Daphnia	< 10 mg/l	48 giờ
Ethybenzene	IC50	Tảo	< 10 mg/l	72 giờ
	LC50	Cá	< 10 mg/l	96 giờ
	EC50	Tảo	7.2 mg/l	48 giờ
	EC50	Daphnia	2.93 mg/l	48 giờ
	LC50	Cá	4.2 mg/l	96 giờ

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin.
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin.
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không có thông tin.
- Mức độ tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vớt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc

rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa 	1263	Sơn		III		

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU.USA...	1263	Son		III	Như trên	
---	------	-----	--	-----	----------	--

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Không có thông tin.
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Không có thông tin.
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:** Không có thông tin.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu: 3/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH TM&SX Sơn Đông Nam Á**

Địa chỉ: **34 Nguyễn Gia Thiều, P.12, Tp. Vũng Tàu**

ĐT: **0643 3624924**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.